

Bản án số: 46/2020/DSPT

Ngày: 13/7/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng ủy quyền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà, bà Nguyễn Thị Hải Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 67/2020/TLPT-DS ngày 01/4/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2020/QĐXX-PT ngày 14/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tăng Văn T, sinh năm 1952; Địa chỉ: Xóm Ch, xã Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Trung N, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khối T, thị trấn Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An.(nay là khối T, thị trấn Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An). Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Trung N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Tăng Văn T trình bày: Ông có thửa đất số 72 tờ bản đồ 69 ở khối T, thị trấn Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An lâu chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSDĐ) đất lý do là do xã bán đất trái thẩm quyền chưa được xử lý. Do có quen biết ông Lê Trung N

và ông N có nhận là làm được nên vào ngày 22/12/2017 giữa ông và Ông Lê Trung N thỏa thuận và làm giấy ủy quyền với nội dung ông Lê Trung N trực tiếp tại cơ quan chức năng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông. Hai bên có làm 04 giấy ủy quyền (Trong đó có 2 giấy ủy quyền có mặt trước và 02 giấy ủy quyền có điều khoản phụ lục ủy quyền) nội dung: Ông T giao hồ sơ đầy đủ cho ông N vào ngày 12/3/2018, ông Lê Trung N tạm ứng chi phí để giải quyết công việc là 3.000.000 đồng, còn 6.000.000 đồng thanh toán khi làm xong GCNQSDĐ. Thời gian hoàn thành việc ủy quyền là đến ngày 30/07/2018. Khi hết thời gian trên mà bên ông N chưa giải quyết được thì phải hoàn trả hồ sơ và 70% số tiền lại cho ông. Do ông N làm mãi không được nên sau ngày 30/7/2018 ông T đã 4 lần đến nhà ông N yêu cầu trả hồ sơ và thanh toán nhưng ông N chỉ hứa mà không trả. Nay ông T yêu cầu ông N phải hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng; 03 bộ hồ sơ giấy ủy quyền và 01 đơn kiến nghị UBND huyện. Ngoài ra ông Tăng Văn T còn yêu cầu ông Lê Trung N phải trả số tiền lãi suất của 3.000.000 đồng từ ngày 01/8/2018 cho đến ngày 01/8/2019 là 0,5% là 180.000 đồng; Tiền công đi đòi tiền và đi kiện ở Tòa 7,5 ngày x 500.000 đồng = 3.750.000 đồng; Tiền thiệt hại sức khỏe và danh dự do ông N xúc phạm ông là 500.000 đồng; Tiền chi phí hồ sơ 350.000 đồng. Tổng cộng là 7.780.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Trung N vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có văn bản trình bày: Ông Tăng Văn T có thửa đất giao không đúng thẩm quyền nhưng không làm được giấy chứng nhận nên có nhờ ông N làm, hai bên đã làm giấy ủy quyền. Đến ngày 12/3/2018 ông T có giao cho ông N 3.000.000 đồng để chi phí đi lại, in ấn và bàn giao 03 biên bản giao đất, 03 sổ hộ khẩu, 03 bản phôi tô không có công chứng và hóa đơn thu tiền không có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền. Sau khi nhận những giấy tờ trên thì ông N đã trực tiếp đến UBND thị trấn Ngh, huyện Ngh thì được trả lời là UBND tỉnh chưa có văn bản hướng dẫn xử lý vấn đề trên nên phải chờ có văn bản thì mới làm được. Nhưng ngày 12/3/2019 ông T đã lên rút hồ sơ. Nhưng hồ sơ giao nộp cho cán bộ địa chính thị trấn Ngh đã thất lạc trong quá trình bàn giao cán bộ địa chính. Còn đối với số tiền ông T yêu cầu ông N không chấp nhận lý do là do cơ quan chức năng làm chậm tiến độ nhưng ông T đã tự ý đơn phương yêu cầu rút hồ sơ, ông T không cung cấp văn bản xử lý trách nhiệm người giao đất trái thẩm quyền, còn thiếu bản sao công chứng hóa đơn nộp tiền sử dụng đất và do thay đổi nhân sự của cán bộ địa chính thị trấn là do lỗi của nhà nước chứ không phải lỗi của ông N do vậy ông T phải chịu mất tiền cọc là 3.000.000đ để chi phí xăng xe đi lại và in ấn hồ sơ. Đồng thời ông còn yêu cầu Tòa án buộc ông T phải bồi thường cho ông 5.000.000 đồng do ông T vu khống cho ông N về việc hồ sơ UBND thị trấn đã phê duyệt và hóa đơn nộp tiền sử dụng đất đã có công chứng.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngh đã quyết định:

Áp dụng các điều 26; điều 35, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 584; điều 562; điều 563, điều 565; điều 566, điều 567, điều 568 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Tăng Văn T: Buộc ông Lê Trung N phải hoàn trả lại cho ông Tăng Văn T số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/12/2017.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/12/2019, ông Lê Trung N làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án trong khi ông N vắng mặt có lý do chính đáng vì bị tai nạn phải bó bột chân trái không đi lại được và đã có văn bản báo cáo; ngày 12/3/2019 ông T đã tự ý đơn phương rút hồ sơ; ông T chưa giao đủ hồ sơ là văn bản xử lý trách nhiệm của người giao đất không đúng thẩm quyền cho ông N; văn bản xử lý trách nhiệm người giao đất không đúng thẩm quyền là hồ sơ phát sinh mới, ông N đã thông báo cho ông T cung cấp, đến ngày 04/7/2018 ông T mới có đơn khiếu nại. Đơn khiếu nại của ông T được UBND huyện Ngh tiếp nhận ngày 04/7/2018 vẫn chưa có kết quả. Cơ quan Nhà nước làm chậm tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T chứ không phải lỗi của ông N. Yêu cầu Tòa án buộc ông T phải bồi thường cho ông N 5.000.000 đồng vì ông T vu khống hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T đã được UBND huyện Ngh phê duyệt và hóa đơn nộp tiền sử dụng đất đã có công chứng. Trường hợp này chưa hết hiệu lực ủy quyền nên ông N không phải trả lại cho ông T 70% số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng là 2.100.000 đồng. Số tiền thỏa thuận theo ủy quyền là 9.000.000 đồng, do ông T chưa giao đủ số tiền đã thỏa thuận nên nếu hoàn lại thì ông N chỉ phải trả lại cho ông T 300.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến cho rằng người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông N trả lại hồ sơ đã nhận là bỏ sót yêu cầu khởi kiện và nhận định các giấy tờ này không có giá ngạch nên không thuộc thẩm quyền giải quyết là không đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông khi ông vắng mặt có lý do chính đáng, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã mở phiên tòa 4 lần, cả 4 phiên tòa ông N đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tại giấy triệu tập đến phiên tòa ngày 29/11/2019, ông N trình bày ông N bị tai nạn vỡ xương gót chân trái đang bó bột không đi lại được và thông báo cho Tòa án biết lý do vắng mặt, không có yêu cầu hoãn phiên tòa và cũng không cung cấp tài liệu chứng minh ông N bị tai nạn vỡ xương gót chân phải bó bột. Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông N là có căn cứ.

[2] Trong đơn trình bày của ông N cũng như kháng cáo, ông N đều cho rằng ông T còn thiếu văn bản xử lý trách nhiệm người giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật là không phù hợp vì khi ký hợp đồng ủy quyền ông N đã biết rõ ông Tăng Văn T có thửa đất giao không đúng thẩm quyền nhưng không làm được giấy chứng nhận. Điều này thể hiện tại Văn bản trình bày ý kiến của ông N “*Ông T nói chú có cách nào để làm thì tìm cách giúp ông T, tôi trả lời có thì có nhưng đây là đất giao trái thẩm quyền nên phải có văn bản xử lý trách nhiệm người giao đất không đúng thẩm quyền...*”, cho nên không thể nói là phát sinh hồ sơ.

[3] Ông N cho rằng ngày 12/3/2019, ông T tự ý đơn phương xin rút hồ sơ là không đúng vì: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án là *Giấy ủy quyền* *ngày 22/12/2017* thể hiện, ông Tăng Văn T ủy quyền cho ông Lê Trung N trực tiếp đến tại cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và giải quyết các khiếu nại tố cáo liên quan để phục vụ cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại các điều khoản phụ lục ủy quyền thể hiện ông T đã giao đầy đủ hồ sơ cho ông N ngày 12/3/2018 theo quy định pháp luật. Ông T và ông N thỏa thuận về thời gian và tiến độ như sau: “*Từ ngày 12/3/2018 đến ngày 30/7/2018 hoàn thành và bàn giao (trừ các điều kiện bất khả kháng do biến động về quy định của pháp luật và cơ quan chức năng làm chậm tiến độ)*”; khi hết thời gian thỏa thuận trên mà ông N chưa thực hiện được nội dung đã cam kết thì phải trả lại hồ sơ và 70% số tiền cho ông T. Các thỏa thuận giữa ông T và ông N là tự nguyện, ông N cũng thừa nhận nội dung tại phụ lục ủy quyền. Quá trình thực hiện hợp đồng không có sự kiện bất khả kháng như trong cam kết chính và trong cam kết chung. Vì vậy, khi hết thời hạn nêu trên, ông N chưa giải quyết được thì phải hoàn trả lại hồ sơ và 70% số tiền cho ông T. Do ông N chỉ mới tạm ứng tại ông T 3.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N phải trả lại cho ông T 70% số tiền tạm ứng là 2.100.000 đồng là có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của ông N.

[4] Đối với nội dung ông N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông T bồi thường số tiền 5.000.000 đồng thiệt hại do vu khống hồ sơ cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho ông T đã được UBND huyện Ngh phê duyệt và hóa đơn nộp tiền sử dụng đất đã có công chứng, thấy rằng: Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án thì ngày 12/6/2019 ông N đã có văn bản trình bày ý kiến và phản tố đối với đơn khởi kiện dân sự, nhưng thực chất đây là ý kiến phản đối của ông N, không có yêu cầu phản tố. Chỉ đến ngày 16/11/2019, bà Đặng Thị Bình là vợ ông N mới đến Tòa án nộp văn bản trình bày ý kiến và phản tố đối với đơn khởi kiện dân sự. Trong văn bản này, ông N có yêu cầu ông T bồi thường số tiền 5.000.000 đồng do ông T vu khống. Theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “3. Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”. Xét thấy, ngày 12/6/2019, ông N đã có văn bản trình bày ý kiến, nhưng không có yêu cầu phản tố. Ngày 15/7/2019, Tòa án cấp sơ thẩm đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày 07/8/2019 Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 16/11/2019 ông N mới có yêu cầu phản tố nên không được chấp nhận xem xét, giải quyết trong vụ án này. Ông N có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

Từ các phân tích trên thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông N. Giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn T về việc yêu cầu ông N trả lại giấy tờ là hồ sơ đã nhận trong hợp đồng và nhận định các giấy tờ này không có giá ngạch nên không thuộc thẩm quyền giải quyết là không đúng. Thấy rằng: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng ủy quyền, trong hợp đồng đã quy định khi hết thời hạn ủy quyền mà ông N chưa thực hiện được thì phải hoàn trả lại hồ sơ. Tuy nhiên tài liệu ông T giao cho ông N đều là bản sao. Sau khi xét xử sơ thẩm ông T không kháng cáo nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Tăng Văn T khởi kiện có nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, nhưng bản án sơ thẩm không quyết định trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông T là thiếu sót. Cần tuyên lại phần án phí của bản án sơ thẩm cho đầy đủ. Kháng cáo của ông N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Trung N, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm; sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26; 35, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 422, Điều 562; 563, 565; 566, 567, 568 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn T: Buộc ông Lê Trung N phải hoàn trả lại cho ông Tăng Văn T số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/12/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Lê Trung N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngh, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003339 ngày 24/12/2019. Hoàn trả cho ông Tăng Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngh, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001379 ngày 05/6/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS huyện Ngh;
- TAND huyện Ngh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Từ